

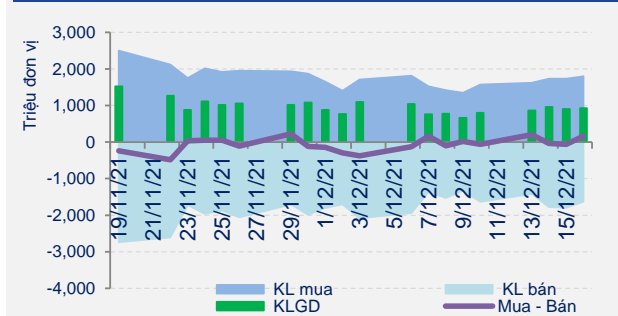
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 16/12/2021

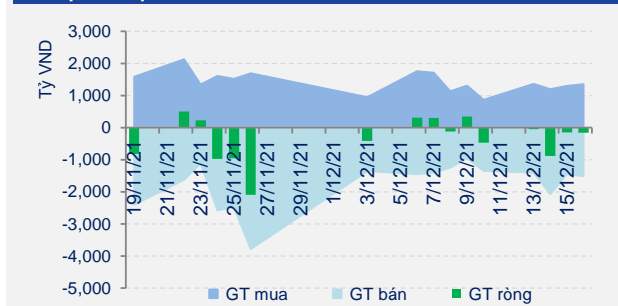
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,476.61	457.03
% Thay đổi	↑ 0.08%	↑ 0.73%
KLGD (CP)	927,703,722	122,362,747
GTGD (tỷ đồng)	26,988.54	3,405.86
Tổng cung (CP)	1,629,937,600	170,525,700
Tổng cầu (CP)	1,796,907,000	156,894,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	40,311,900	3,818,842
KL mua (CP)	32,802,300	385,392
GT mua (tỷ đồng)	1,357.71	14.80
GT bán (tỷ đồng)	1,516.32	188.31
GT ròng (tỷ đồng)	(158.61)	(173.52)

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.15%	23.8	3.8	1.3%
Công nghiệp	↑ 0.90%	24.1	3.1	14.3%
Dầu khí	↑ 0.43%	18.6	2.0	1.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.57%	-	10.9	3.9%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.82%	18.2	3.1	1.1%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.16%	23.4	4.1	9.8%
Ngân hàng	↓ -0.59%	11.7	2.3	9.5%
Nguyên vật liệu	↓ -0.30%	11.5	2.7	10.5%
Tài chính	↑ 0.74%	21.5	3.7	44.3%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 1.40%	16.4	2.6	4.1%
VN - Index	↑ 0.08%	17.5	3.3	
HNX - Index	↑ 0.73%	24.9	5.1	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng rất nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục dưới mức trung bình. Cụ thể, VN-Index tăng 1,11 điểm (+0,08%) lên 1.476,61 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là trung tính với 235 mã tăng, 53 mã tham chiếu, 244 mã giảm. HNX-Index tăng 3,33 điểm (+0,73%) lên 457,03 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 135 mã tăng, 53 mã tham chiếu, 114 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn tăng nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.006 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 28.354 tỷ đồng. Thị trường giao dịch với sắc xanh trong phần lớn thời gian phiên hôm nay và kết phiên với mức tăng nhẹ. Nhóm cổ phiếu bất động sản, xây dựng là tâm điểm trong phiên hôm nay khi thu hút được dòng tiền và đồng loạt bứt phá mạnh, thậm chí nhiều mã tăng trần như FLC (+6,7%), DIG (+7%), CII (+7%), ITA (+6,8%), LDG (+7%), HAG (+7%), AGG (+6,9%), QCG (+7%), ROS (+7%), VGC (+7%)... Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp cũng thu hút dòng tiền khá tích cực với nhiều mã tăng như NTC (+1,1%), GVR (+0,3%), SZL (+0,5%), SZC (+2,6%), SNZ (+4,1%), D2D (+0,8%), SIP (+4,1%), BCM (+6,8%), ITA (+6,8%), KBC (+1,6%)... Cổ phiếu dầu khí cũng có phiên giao dịch tương đối tốt với BSR (+2,8%), PVD (+1,1%), PLX (+0,5%), OIL (+1,2%)... Ở chiều ngược lại, cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán, thép đồng loạt kết phiên trong sắc đỏ đã thu hẹp đáng kể mức tăng của thị trường.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên đáo hạn của hợp đồng tương lai VN30 tháng 12/2021 đã diễn ra tương đối yên bình khi biến động trong phiên ATC đã không xảy ra. Đây là đã phiên thứ ba liên tiếp mà vùng hỗ trợ ngắn hạn 1.465-1.470 điểm (MA20) hỗ trợ tốt cho thị trường, thúc đẩy lực cầu khi giảm về vùng này. Trên góc nhìn kỹ thuật, xu hướng tăng trong ngắn hạn của VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi và khả năng để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm trong thời gian tới là có thể xảy ra. Phiên giao dịch tiếp theo là ngày cơ cấu danh mục cuối cùng của hai quỹ ETF, nhà đầu tư cần lưu ý điều này. Trong phiên giao dịch cuối tuần 17/12, thị trường có thể tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải đã tham gia bắt đáy trong phiên 6/12 có thể canh những nhịp tăng điểm hướng tới ngưỡng tâm lý 1.500 điểm (nếu có) để chốt lời một phần danh mục.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 16/12/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.482,32 điểm. Về cuối phiên, áp lực bán có lúc gia tăng khiến chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.468,95 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 1,11 điểm (+0,08%) lên 1.476,61 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: BCM tăng 4.300 đồng, DIH tăng 5.700 đồng, POW tăng 1.100 đồng. Ở chiều ngược lại, VPB giảm 950 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 457,45 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 3,33 điểm (+0,73%) lên 457,03 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO tăng 4.400 đồng, L14 tăng 15.000 đồng, IDC tăng 3.300 đồng. Ở chiều ngược lại, SHS giảm 900 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 157,3 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 6,1 triệu đơn vị. VPB là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 316,4 tỷ đồng tương ứng với 9,3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là TCH với 63,5 tỷ đồng tương ứng với 2,6 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VIC là mã được mua ròng nhiều nhất với 82,8 tỷ đồng tương ứng với 830 nghìn cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 172,32 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 3,4 triệu cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 174,9 tỷ đồng tương ứng với 3,5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là IDC với 3 tỷ đồng tương ứng với 35 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, THD là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3,5 tỷ đồng tương ứng với 13,6 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### Kinh tế Hà Nội tăng trưởng hơn 2,9% năm qua

Bí thư Thành ủy Hà Nội thông tin GRDP của thành phố tăng trưởng 2,92% năm nay. Chỉ tiêu GRDP 2022 của Hà Nội được giao tăng trưởng 7-7,5%. Sở Kế hoạch & Đầu tư đề nghị đẩy nhanh phục hồi và phát triển kinh tế để lấy lại đà tăng trưởng trong năm sau, trong đó phần đầu ngành dịch vụ tăng trưởng trên 7,1%.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index tăng rất nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh tăng nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy là bên mua và bên bán vẫn đang giằng co ở vùng hiện tại và một bộ phận nhà đầu tư vẫn đang đứng ngoài để quan sát thị trường.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên tăng rất nhẹ này thì chỉ số VN-Index tiếp tục kết phiên trên vùng hỗ trợ ngắn hạn trong khoảng 1.465-1.470 điểm (MA20). Điều này khiến cho xu hướng tăng của thị trường không có gì thay đổi và khả năng để thị trường tiến đến kháng cự tâm lý 1.500 điểm trong thời gian tới là có thể xảy ra.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.465-1.470 điểm (MA20) và xa hơn là ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 17/12, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.



## TIN TRONG NƯỚC

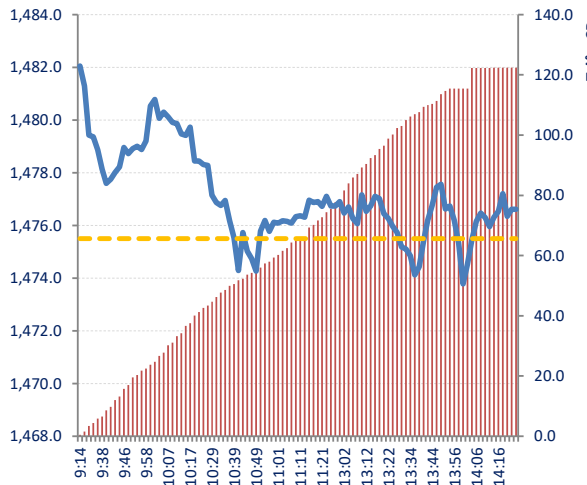
<b>Giá vàng trong nước tăng</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,75 - 61,45 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm tăng 27 đồng</b>	Cụ thể, sáng nay Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm cặp đồng tiền VND/USD được áp dụng trong ngày ở mức 23.222 đồng, tăng 27 đồng so với mức công bố trước.

## TIN QUỐC TẾ

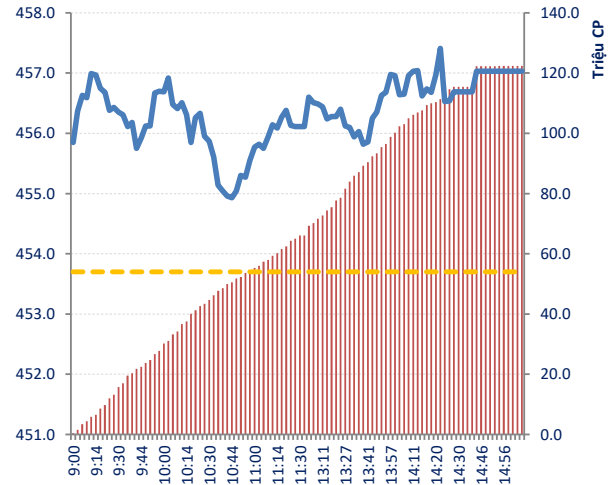
<b>Giá vàng thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 21,7 USD/ounce tương ứng với 1,23% lên 1.786,2 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,337 điểm tương ứng 0,35% xuống 96,145 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1315 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3295 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,11 JPY.
<b>Giá dầu thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,71 USD/thùng tương ứng với 1% lên 71,58 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ tăng điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/12, Dow Jones tăng 382,25 điểm tương đương 1,08% lên 35.927,43 điểm. Nasdaq tăng 327,94 điểm tương đương 2,15% lên 15.565,58 điểm. Nasdaq Composite tăng 75,76 điểm tương đương 1,63% lên 4.709,85 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

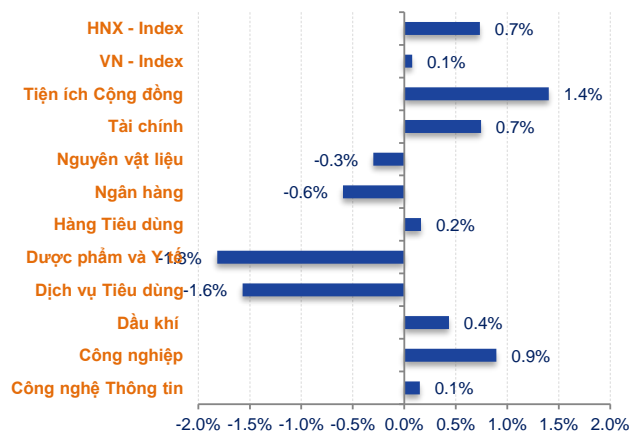
KLGD và VN-Index trong phiên



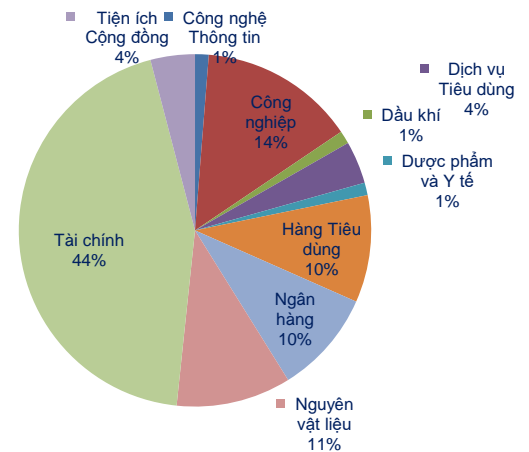
KLGD và HNX-Index trong phiên



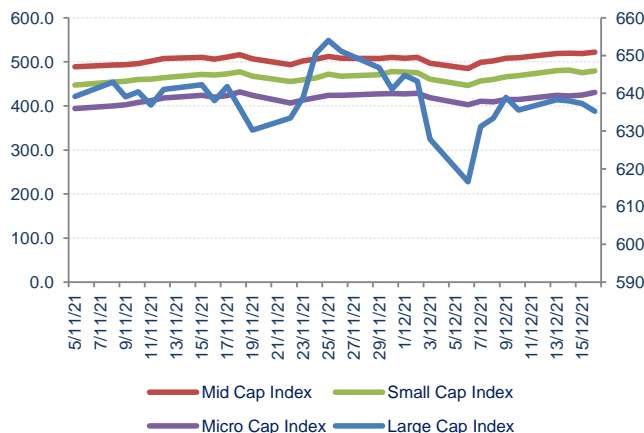
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



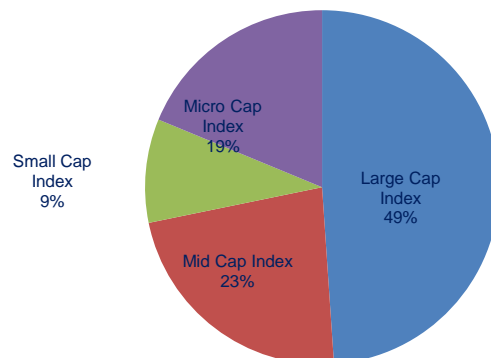
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	2,236,200	VPB	9,282,300
2	HPG	1,272,800	TCH	2,555,900
3	VRE	975,500	FUEVFNND	1,877,700
4	FLC	910,000	DXG	1,435,500
5	VIC	830,300	NT2	908,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HHG	51,600	CEO	3,543,280
2	KLF	38,800	IDC	35,400
3	BVS	33,000	HLD	30,200
4	APS	24,900	S99	15,200
5	KVC	23,110	BCC	13,100

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
POW	16.10	17.20	↑ 6.83%	41,619,500
VPB	34.65	33.70	↓ -2.74%	37,596,500
ROS	10.05	10.75	↑ 6.97%	36,814,700
FLC	16.30	17.40	↑ 6.75%	35,544,300
SSI	51.70	50.90	↓ -1.55%	29,295,200

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	8.10	8.90	↑ 9.88%	12,216,247
CEO	45.30	49.70	↑ 9.71%	10,031,258
SHS	49.50	48.60	↓ -1.82%	8,943,322
ART	14.40	15.20	↑ 5.56%	6,752,030
PVS	26.20	26.00	↓ -0.76%	5,188,899

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QCG	14.30	15.30	1.00	↑ 6.99%
LDG	14.30	15.30	1.00	↑ 6.99%
DIG	81.50	87.20	5.70	↑ 6.99%
AMD	7.88	8.43	0.55	↑ 6.98%
VGC	56.00	59.90	3.90	↑ 6.96%

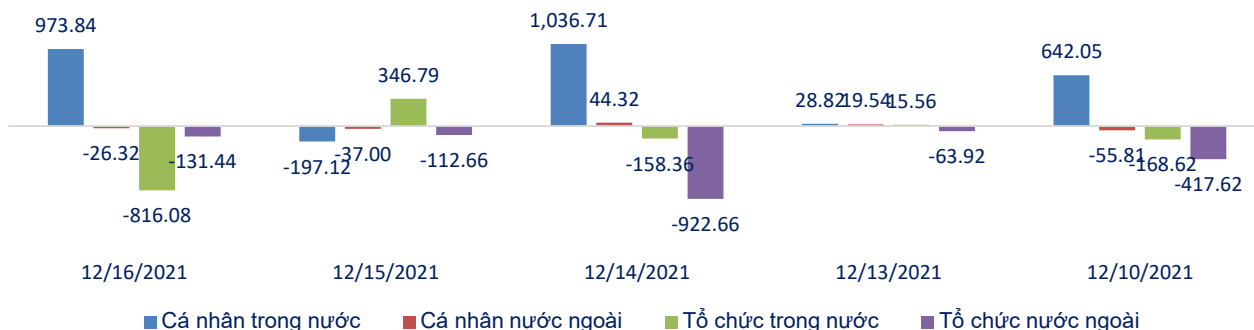
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ICG	16.00	17.60	1.60	↑ 10.00%
SEB	45.00	49.50	4.50	↑ 10.00%
TST	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
VDL	23.00	25.30	2.30	↑ 10.00%
CMC	15.10	16.60	1.50	↑ 9.93%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	23.75	22.10	-1.65	↓ -6.95%
VFG	60.00	56.20	-3.80	↓ -6.33%
SJF	13.00	12.20	-0.80	↓ -6.15%
MCP	33.00	31.00	-2.00	↓ -6.06%
CLW	35.00	33.00	-2.00	↓ -5.71%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MED	40.00	36.00	-4.00	↓ -10.00%
LDP	36.70	33.10	-3.60	↓ -9.81%
PTI	52.00	46.90	-5.10	↓ -9.81%
BDB	12.90	11.70	-1.20	↓ -9.30%
SFN	28.10	25.70	-2.40	↓ -8.54%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	310.42	21.2%	2,772	12.5	2.5
SSI	219.57	16.5%	2,043	25.3	3.7
GAB	94.26	1.1%	130	1,510.7	16.7
EIB	66.58	5.7%	792	33.4	1.8
STB	66.58	11.1%	1,864	15.2	1.6

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-37.89	31.0%	5,037	17.1	5.3
DBD	-37.89	15.9%	2,923	18.2	2.7
BID	-22.96	12.0%	2,484	18.1	2.1
VCB	-22.48	20.4%	5,696	17.5	3.4
VRE	-22.39	7.2%	954	31.9	2.3

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	18.46	2.9%	1,111	90.0	2.3
FLC	5.58	13.1%	1,967	8.3	1.2
CII	3.10	0.5%	177	179.1	1.0
MBB	2.55	20.3%	2,943	9.7	1.8
KBC	2.12	6.0%	1,528	36.4	2.1

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	-47.90	7.5%	1,406	24.2	1.5
DIG	-6.91	13.1%	1,511	53.9	6.2
POW	-3.55	8.6%	1,167	13.8	1.2
HNG	-2.94	0.7%	51	208.0	1.4
VSC	-2.31	14.2%	5,298	8.4	1.7

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	56.71	N/A	N/A	N/A	N/A
DBD	37.02	15.9%	2,923	18.2	2.7
DHM	20.47	-6.9%	(645)	-	1.4
DPM	18.32	18.4%	4,029	12.7	2.2
GEG	17.98	7.6%	926	21.4	1.7

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-203.35	16.5%	2,043	25.3	3.7
STB	-130.49	11.1%	1,864	15.2	1.6
GAB	-94.24	1.1%	130	1,510.7	16.7
VIC	-91.67	2.9%	1,111	90.0	2.3
EIB	-66.62	5.7%	792	33.4	1.8

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	64.54	2.9%	1,111	90.0	2.3
STB	61.88	11.1%	1,864	15.2	1.6
VNM	61.61	31.0%	5,037	17.1	5.3
HPG	58.71	44.7%	7,085	6.7	2.5
VRE	27.72	7.2%	954	31.9	2.3

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-316.40	21.2%	2,772	12.5	2.5
TCH	-62.08	5.6%	1,215	19.8	1.2
FUEVFVND	-51.86	N/A	N/A	N/A	N/A
NLG	-29.98	13.6%	4,157	14.7	1.8
MSN	-27.40	8.4%	2,032	79.2	5.9



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	41,619,500	8.6%	1,167	13.8	1.2
VPB	37,596,500	3250.0%	2,772	12.5	2.5
ROS	36,814,700	3.1%	324	31.0	0.9
FLC	35,544,300	13.1%	1,967	8.3	1.2
SSI	29,295,200	16.5%	2,043	25.3	3.7

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	12,216,247	0.1%	6	1,332.9	0.8
CEO	10,031,258	-4.7%	(606)	-	3.6
SHS	8,943,322	25.5%	3,145	15.7	2.5
ART	6,752,030	0.3%	32	455.5	1.2
PVS	5,188,899	4.6%	1,238	21.2	1.0

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	↑ 7.0%	1.2%	180	79.4	0.9
LDG	↑ 7.0%	1.0%	134	106.8	1.1
DIG	↑ 7.0%	13.1%	1,511	53.9	6.2
AMD	↑ 7.0%	1.1%	129	61.2	0.7
VGC	↑ 7.0%	12.6%	2,022	27.7	3.4

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ICG	↑ 10.0%	3.9%	619	25.8	1.0
SEB	↑ 10.0%	28.8%	4,816	9.3	2.6
TST	↑ 10.0%	-0.9%	(187)	-	0.5
VDL	↑ 10.0%	3.0%	416	55.3	1.7
CMC	↑ 9.9%	4.0%	525	28.7	1.1

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	2,236,200	11.1%	1,864	15.2	1.6
HPG	1,272,800	44.7%	7,085	6.7	2.5
VRE	975,500	7.2%	954	31.9	2.3
FLC	910,000	13.1%	1,967	8.3	1.2
VIC	830,300	2.9%	1,111	90.0	2.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HHG	51,600	-26.1%	(1,987)	-	1.2
KLF	38,800	0.1%	6	1,332.9	0.8
BVS	33,000	7.7%	1,877	20.4	1.3
APS	24,900	22.8%	1,686	22.5	3.2
KVC	23,110	-7.3%	(748)	-	0.8

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	380,521	2.9%	1,111	90.0	2.3
VCB	370,517	20.4%	5,696	17.5	3.4
VHM	359,671	38.3%	8,968	9.2	3.0
HPG	213,806	44.7%	7,085	6.7	2.5
MSN	190,066	8.4%	2,032	79.2	5.9

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	88,760	25.2%	4,694	54.0	15.4
IDC	25,200	11.8%	1,805	46.5	5.4
KSF	21,390	8.8%	760	93.9	3.6
VCS	18,304	41.5%	11,163	10.2	3.9
BAB	17,021	8.6%	979	23.1	1.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HAI	2.77	0.7%	87	89.9	0.7
SJF	2.77	0.5%	51	254.3	1.2
SCR	2.74	5.5%	740	28.0	1.5
IDI	2.57	2.7%	363	44.0	1.2
DAH	2.41	0.1%	10	1,040.7	1.1

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
APS	2.59	22.8%	1,686	22.5	3.2
PSI	2.41	2.9%	300	59.3	1.7
KLF	2.16	0.1%	6	1,332.9	0.8
HHG	2.11	-26.1%	(1,987)	-	1.2
CEO	2.11	-4.7%	(606)	-	3.6



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---